TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HUẾ** **TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: **370**/2024/QĐST-HNGĐ	*Thành phố Huế, ngày 27 tháng 5 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HUẾ, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 368/2024/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 5 năm 2024 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

1. Anh **Lê Chí C**, sinh năm 1980; Địa chỉ: Số A T1, phường T2, thành phố H, tỉnh H1.

2. Chị **Nguyễn Thị Thanh T**, sinh năm 1988; Địa chỉ: Số A T1, phường T2, thành phố H, tỉnh H1.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Lê Chí C và chị Nguyễn Thị Thanh T có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T2, thành phố H, tỉnh H1 và được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 19/3/2014. Sau khi kết hôn, cuộc sống vợ chồng hạnh phúc được một thời gian thì bắt đầu xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không có tiếng nói chung dẫn đến thường xuyên gây gỗ, xúc phạm, cãi vã nhau. Hiện nay, vợ chồng anh C, chị T đã sống ly thân, vợ chồng không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Nay tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được nên anh C, chị T thống nhất yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Anh Lê Chí C và chị Nguyễn Thị Thanh T đều xác nhận vợ chồng có 02 con chung là Lê Công T3, sinh ngày 24/9/2014 và Lê Anh K, sinh ngày 09/02/2021. Anh C và chị T tự nguyện thỏa thuận, giao cháu Lê Công T3,

sinh ngày 24/9/2014 cho anh C trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cho đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi); giao cháu Lê Anh K, sinh ngày 09/02/2021 cho chị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cho đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi); không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: Anh Lê Chí C và chị Nguyễn Thị Thanh T đều xác nhận vợ chồng không có tài sản chung và không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về lệ phí: Anh Lê Chí C và chị Nguyễn Thị Thanh T mỗi người phải chịu 150.000 đồng lệ phí ly hôn sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0003919 ngày 03/5/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố H. Anh C và chị T đã nộp đủ.

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 17 tháng 5 năm 2024 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Lê Chí C và chị Nguyễn Thị Thanh T thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Anh Lê Chí C và chị Nguyễn Thị Thanh T có 02 con chung là Lê Công T3, sinh ngày 24/9/2014 và Lê Anh K, sinh ngày 09/02/2021.

Anh C và chị T tự nguyện thỏa thuận: Giao cháu Lê Công T3, sinh ngày 24/9/2014 cho anh C trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cho đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi); giao cháu Lê Anh K, sinh ngày 09/02/2021 cho chị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cho đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi); không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung và nợ chung: Anh Lê Chí C và chị Nguyễn Thị Thanh T đều xác nhận vợ chồng không có tài sản chung và không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Toà án: Anh Lê Chí C và chị Nguyễn Thị Thanh T mỗi người phải chịu 150.000 đồng lệ phí ly hôn sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0003919 ngày 03/5/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố H. Anh C và chị T đã nộp đủ.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND thành phố H;
- TAND tỉnh H1;
- Chi cục THADS thành phố H;
- Các đương sự;
- UBND phường T2, Thành phố H (ĐKKH số 28/2014 ngày 19/3/2014);
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Trần Thị Phương Hồng